

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT

Ngày 26/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 26/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/KDTM - PT ngày 13/5/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM - ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2024/QĐ-PT ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐ-PT ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn và Xây dựng Q.

Địa chỉ trụ sở: Thôn 9, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn và xây dựng Q - Có mặt

Địa chỉ: Số 33 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn năng lượng mặt trời S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kim T, sinh năm 1973 - Có mặt

Địa chỉ: Số 107 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm C - Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

Người làm chứng:

1. Ông Lê Hữu S, sinh năm 1962 - Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lưu Văn T, sinh năm 1970 - Vắng mặt

Địa chỉ: 124/8/4 S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn năng lượng mặt trời S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn

là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn và Xây dựng Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q) trình bày: Ngày 28/02/2020, Công ty Q và Công ty TNHH Năng lượng mặt trời S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) ký kết với nhau Hợp đồng số 09/2020/HĐ-GKCT với nội dung: Công ty S cung cấp, gia công, lắp đặt, kết cấu thép công trình, gia cố mái nhà, để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời, tại thôn 7, thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, cho Công ty Q. Tổng giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng; Thời hạn xây dựng công trình là 40 ngày, kể từ ngày Công ty Q tạm ứng cho Công ty S 200.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký hợp đồng, Công ty Q đã tạm ứng cho Công ty S, số tiền 400.000.000 đồng cụ thể: Lần 1 vào ngày 04/03/2020 với số tiền 200.000.000 đồng và lần 2 vào ngày 30/3/2020 với số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền tạm ứng cho đến nay, Công ty S không thi công xây dựng bất kỳ một hạng mục nào của công trình theo hợp đồng. Ngày 12/6/2020, Công ty S gửi giấy mời yêu cầu Công ty Q, đúng 08 giờ ngày 17/6/2020, đến địa điểm xây dựng công trình, để nghiệm thu khối lượng xây dựng; Đúng hẹn, Công ty Q đã đến địa điểm xây dựng công trình nhưng Công ty S không đến công trình như đã hẹn; Công ty S cũng chưa thi công hạng mục nào của công trình; Công ty Q, đã nhiều lần yêu cầu Công ty S thi công, hoàn thiện công trình hoặc trả lại khoản tiền 400.000.000đ đã ứng cho Công ty Q nhưng Công ty S không thực hiện. Vì vậy, Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty S phải trả lại cho Công ty Q số tiền tạm ứng 400.000.000đ và tiền lãi 119.555.556 đ, tính từ ngày 18/6/2020 đến ngày khởi kiện 14/6/2023, tổng cộng 519.555.556đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/6/2023, cho đến khi trả xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất 10%/năm.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là Công ty S trình bày: Ngày 28/02/2020, Công ty S, ký hợp đồng xây dựng số: 09/2020/HĐ-GK với Công ty Q; Về nội dung hợp đồng và khoản tiền Công ty S nhận tạm ứng của Công ty Q, đúng như nguyên đơn đã trình bày; Sau khi tạm ứng tiền khoảng 10 ngày, Công ty S đã thi công khung mái nhà, để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời; ông Nguyễn Văn K là người đại diện Công ty Q, đến công trình nghiệm thu nhưng không chịu ký vào biên bản nghiệm thu, đối với khối lượng công việc đã thi công xây dựng và thanh toán tiền đối với khối lượng đã thi công, với lý do Công ty Q chưa ký được hợp đồng đấu nối điện năng lượng mặt trời, chưa vay được tiền ngân hàng; Đối với khung sắt mái nhà năng lượng mặt trời, Công ty S để tại xưởng sản xuất của ông Lưu Văn T; đến tháng 11/2020, ông T đã bán khung sắt này cho người khác; Công ty Q là bên vi phạm hợp đồng, không tiếp tục ứng tiền cho Công ty S, không bàn giao mặt bằng cho Công ty S để lắp ráp khung sắt mái nhà năng lượng mặt trời.

Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng là ông Lê Hữu S trình bày: Tháng 02 năm 2020, ông Nguyễn Văn K thuê ông S san lấp mặt bằng, mức đất với diện tích khoảng 1,8 ha tại thôn 7, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công khung mái nhà, lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời; ông K đã thanh toán tiền công cho ông 120.000.000đ; Tháng 3/2020, ông Trần Kim T có mua của ông 01 xe cát và 01 xe đá, để thi công mặt bằng tại địa chỉ nêu trên, với giá 5.500.000đ.

Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng là ông Lưu Văn T trình bày: Ông có thi công làm khung mái nhà bằng sắt, để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời, cho Công ty S và đã thanh toán tiền cho nhau đầy đủ vào năm 2021.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 28/3/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã căn cứ: khoản 3 Điều 26, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 11, Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại; Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TV&XD Q.

Buộc Công ty TNHH Năng lượng mặt trời S phải trả cho Công ty TNHH MTV TV&XD Q số tiền: 551.111.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng; lãi là 151.111.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/4/2024, bị đơn là Công ty S có đơn kháng cáo với lý do: Công ty Q là bên vi phạm hợp đồng xây dựng; Công ty S ký kết hợp đồng xây dựng với Công ty Q vào ngày 28/02/2020; Đến ngày 14/6/2023, Công ty Q khởi kiện Công ty S, đối với hợp đồng nêu trên, là đã hết thời hiệu khởi kiện, được quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty S, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Ngày 28/02/2020, Công ty Q và Công ty S với nội dung: Công ty Q, thuê Công ty S cung cấp, gia công, lắp đặt kết cấu thép công trình, gia cố mái nhà, để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời, tại thôn 7, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng; Thời hạn hoàn thành công trình là 40 ngày, kể từ ngày Công ty S nhận được số tiền tạm ứng 200.000.000đ đầu tiên; Công ty Q đã tạm ứng cho Công ty S 200.000.000đ lần đầu vào ngày 04/03/2020; Lần thứ 02 vào ngày 30/3/2020, với số tiền 200.000.000đ. Sau khi nhận tiền tạm ứng, Công ty S không thi công xây dựng bất cứ hạng mục nào của công trình, là vi phạm hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, buộc Công ty S phải trả lại cho Công ty Q 400.000.000đ tiền tạm ứng đã nhận và tiền lãi 151.111.000đ, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn, còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 28/02/2020, Công ty Q và Công ty S ký kết Hợp đồng số: 09/2020/HĐ-GKCT, với nội dung: Công ty Q, thuê Công ty S cung cấp, gia công, lắp đặt kết cấu khung sắt mái nhà, để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời, trên thửa đất số 283, tờ bản đồ số 41, tại thôn 7, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng; Thời hạn hoàn thành công trình là 40 ngày, kể từ ngày Công ty S nhận được số tiền tạm ứng 200.000.000đ đầu tiên, theo Điều 6 của Hợp đồng.

Hợp đồng xây dựng, được các bên tự nguyện thoả thuận ký kết; Việc ký kết hợp đồng đúng thẩm quyền, đúng mục đích kinh doanh tại thời điểm ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty Q đã tạm ứng cho Công ty S 200.000.000đ lần đầu vào ngày 04/03/2020; Lần thứ 02 vào ngày 30/3/2020, với số tiền 200.000.000đ.

[4] Căn cứ vào nội dung hợp đồng, thì Công ty S phải thi công xây dựng, hoàn thành công trình vào ngày 14/4/2020; Công ty S cho rằng sau 10 ngày, kể từ ngày nhận được khoản tiền tạm ứng đầu tiên, Công ty đã thực hiện lắp ráp xây dựng khối lượng công việc đầu tiên nhưng Công ty Q, không chịu ký vào biên bản nghiệm thu, không bàn giao mặt bằng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, công trình xây dựng mái nhà, lắp ráp bằng khung sắt, để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời, được thực trên thửa đất số 283, tờ bản đồ số 41, tại thôn 7, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 28/11/2023, thì thửa đất nêu trên đã được Công ty Q, thuê ông Lê Hữu S san lấp mặt bằng và bàn giao cho Công ty S để thi công xây dựng, lắp ráp khung sắt mái nhà; Công ty S đã mua của ông S 01 xe cát và 01 xe đá để thực hiện việc xây dựng công trình nêu trên nhưng đến cuối năm 2020 công trình nêu trên vẫn chưa được thi công xây dựng; Công ty S, thuê ông Lưu Văn T làm khung sắt mái nhà để lắp đặt tấm PIN năng lượng mặt trời, tại địa chỉ nêu trên, ông T cũng thừa nhận đã thực hiện việc làm khung sắt cho Công ty S, nhưng đã trả lại tiền cho Công ty S 300.000.000đ vào năm 2021.

Như vậy, có căn cứ để xác định Công ty S, đã 02 lần nhận tiền tạm ứng của Công ty Q, với số tiền 400.000.000đ, để thi công xây dựng, lắp ráp khung sắt mái nhà tại thửa đất số 283, tờ bản đồ số 41, nhưng sau khi nhận tiền, Công ty S không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết, là vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, buộc Công ty S phải trả lại cho Công ty Q 400.000.000đ tiền tạm ứng đã nhận và tiền lãi 151.111.000đ, tính từ ngày 18/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Công ty S kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, khoản 2 Điều 149 BLDS năm 2015 và khoản 2 Điều 184 BLTTDS quy định: Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu, theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện, yêu cầu này phải đưa đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc; Quá

trình tham gia giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty S không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về thời hiệu khởi kiện, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty S, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty S không được Tòa án chấp nhận, Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Năng lượng mặt trời S, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 28/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ: khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự; Hợp đồng số:09/2020/HĐ-GKCT, được ký kết ngày 28/02/2020 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn & Xây dựng Q và Công ty trách nhiệm hữu hạn Năng lượng mặt trời S; khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội .

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TV&XD Q.

Buộc Công ty TNHH Năng lượng mặt trời S, phải trả lại cho Công ty TNHH MTV TV&XD Q số tiền 400.000.000đ tiền tạm ứng đã nhận và 151.111.000đ tiền lãi, tổng cộng 551.111.000 đ.

Kể từ ngày từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Năng lượng mặt trời S phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/009878 ngày 15/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- TAND TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huân